

Bản án số: 34/2022/HSST

Ngày: 06/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU-TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Xuân Dệt.

2. Ông Nguyễn Đình Hoàng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2022/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **B**. Tên gọi khác: Y.

Giới tính: Nam. Sinh năm 2002, tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng H, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba na; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Con ông K, sinh năm 1973 và con bà B, sinh năm 1976.

Cha và mẹ của bị cáo hiện trú tại làng H, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bị cáo không có anh, chị, em ruột và chưa có vợ, con.

Tiền sự: 01. Ngày 17/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai ra Quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng, vì đã có hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 06/11/2020, chấp hành xong.

Tiền án: 01. Ngày 21/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án số 59/2021/HS-ST. Bị cáo B chưa chấp hành Bản án này.

Bị cáo B bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

* Người bị hại:

1/ Ông Phạm Quang T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Hẻm L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Ông Lê H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 7, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 6, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đình C – Trợ giúp viên pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

* Người phiên dịch: Bà Nay H'Y. Địa chỉ: Thôn D, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

B làm thuê cho cơ sở giết mổ bò của bà Trương Thị Ngọc H tại tổ 6, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ngày 18/10/2021, B đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tối ngày 17/10/2021, B đến nhà bà H để làm thuê. Khoảng 00 giờ ngày 18/10/2021, B phát hiện ông Phạm Quang T, cũng là người làm thuê cho bà H để điện thoại di động hiệu Samsung A50, màu xanh trên bàn nhựa gần khu vực mổ bò, nên lén lút chiếm đoạt điện thoại này cất giấu vào túi quần đang mặc trên người. Tiếp đó, B đi vào phòng tắm lục tìm tài sản trong túi áo quần của những người làm thuê. Khi lục tìm trong túi quần của ông Lê H, B thấy có ví bên trong có giấy tờ và tiền, nên lấy số tiền 35.000 đồng và Giấy đăng ký xe mô tô biển số 81B1-93362 của ông H, rồi đi ra ngoài. Lúc này, ông T nghe tiếng chó sủa nên đi ra kiểm tra, thì thấy có người đang ở ngoài cổng nên hô to: “*Ai đấy*”, thì B bỏ chạy thoát.

Lần thứ hai: Sau khi bị ông Phạm Quang T phát hiện nên phải bỏ chạy, khoảng 04 giờ ngày 18/10/2021, B quay lại nhà bà H để tiếp tục tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Lúc này gia đình bà H và những người làm thuê đã ngủ, B lén lút đi vào phòng bếp mở tủ đông lấy 30kg (ba mươi kilôgam) thịt bò tươi loại thịt đùi, đựng trong túi nilông, rồi tẩu thoát. Sau đó, B vác số thịt bò trộm cắp được đi bộ đến khu vực chợ đêm TP.Pleiku bán cho một người phụ nữ (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) được 2.000.000 đồng sử dụng tiêu xài.

Đối với điện thoại di động hiệu Samsung A50 chiếm đoạt của ông Phạm Quang T, sau đó B mang đến cửa hàng điện thoại Ngọc T ở trung tâm thương mại huyện Đ,

thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai bán cho chị Nguyễn Thị Q là chủ cửa hàng được 2.100.000 đồng. Tiếp đó, B thêm vào 300.000 đồng và mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20, để sử dụng. Sau khi mua điện thoại di động hiệu Sam Sung A50 do B mang đến bán, chị Q đã thay ốp lưng và bán lại cho người khác, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Quá trình sử dụng điện thoại di động Samsung M20, B đã làm mất nên Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được. Đối với ốp lưng màu xanh thay ra, chị Q đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra

Ngày 12/11/2021, B đến Công an TP.Pleiku đầu thú và khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Trương Thị Ngọc H như nêu trên. Số tiền 35.000 đồng chiếm đoạt của ông Lê H và tiền bán thịt bò chiếm đoạt của bà H, B đã tiêu xài hết. Giấy đăng ký xe mô tô biển số 81B1-93362 chiếm đoạt của ông Lê H, sau đó B đã vứt bỏ và không xác định được địa điểm vứt, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua định giá, xác định điện thoại di động hiệu Samsung A50 màu xanh của ông Đặng Quang T bị B chiếm đoạt vào ngày 18/10/2021, có trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); 30kg thịt bò tươi (loại thịt đùi) của bà Trương Thị Ngọc H bị B chiếm đoạt vào ngày 18/10/2021, có trị giá 7.350.000 đồng (bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại ốp lưng điện thoại di động màu xanh cho ông T.

Về dân sự: Ông Phạm Quang T yêu cầu bồi thường trị giá điện thoại di động bị chiếm đoạt với số tiền 2.000.000 đồng; bà Trương Thị Ngọc H yêu cầu bồi thường trị giá thịt bò bị chiếm đoạt với số tiền 7.500.000 đồng; ông Lê H yêu cầu bồi thường số tiền 35.000 đồng (tại phiên tòa ông Lê H không yêu cầu bị cáo bồi thường). Hiện B chưa bồi thường theo các yêu cầu nêu trên. Về trách nhiệm hình sự những người bị hại yêu cầu xử bị cá theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày 25/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo B từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt của 02 bản án. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đ cho bà H và 7.500.000 đ cho ông T. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Ý kiến của người bào chữa: Việc truy tố của Viện kiểm sát dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng. Tuy nhiên mong Hội đồng xét xử xem xét là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và đã ra đầu thú hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] B là người làm thuê tại cơ sở giết mổ bò của bà Trương Thị Ngọc H ở Tổ 6 phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Rạng sáng ngày 18/10/2021, lợi dụng bà H và những người làm thuê mất cảnh giác, B đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của những người làm thuê và của bà H, cụ thể: Lần thứ nhất, B chiếm đoạt điện thoại di động và tiền mặt, có tổng trị giá 2.035.000 đồng; lần thứ hai, B chiếm đoạt thịt bò có trị giá 7.350.000 đồng. Đến ngày 12/11/2021, B ra đầu thú.

[2] Xét về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra truy tố: Trong quá trình điều tra truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân TP. Pleiku đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tình hình tội phạm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố P ngày càng gia tăng, phức tạp, manh động và ngày càng nguy hiểm hơn.

[4] Xét hành vi của phạm tội của bị cáo B: Khi thấy sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản là bị cáo liền nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã lén lút thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản, tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 9.385.000 đồng, bên cạnh đó bị cáo có nhân thân xấu có 01 tiền án và 01 tiền sự chưa được xóa, nay còn tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, nên cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm.

[5] Tuy nhiên xét quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và ra đầu thú hành vi phạm tội của mình, dù giảm nhẹ nhưng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo được biện pháp răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Bị cáo chưa chấp hành Bản án số 59/2021/HS-ST, ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài*

sản” nên áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị Q là người mua điện thoại của B trộm cắp, khi mua bà Q không biết là tài sản trộm cắp, nên không xử lý là đúng pháp luật. Đối với người phụ nữ mua thịt bò của B, chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ và xử lý sau.

[8] Về dân sự: Ông Phạm Quang T yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc điện thoại bị trộm cắp là 2.000.000.000 đ, bà Trương Thị Ngọc H yêu cầu bị cáo bồi thường 10kg thịt bò bị trộm cắp trị giá là 7.500.000 đ. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu. Xét thấy yêu cầu của những người bị hại có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo B 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng: Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt với bản án số: 59/2021/HS-ST, ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo B 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Vậy bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2021.

- Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo B phải bồi thường cho ông Phạm Quang T số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho bà Trương Thị Ngọc H số tiền 7.500.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 475.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai.
- Viện kiểm sát TP. Pleiku.
- Công an TP. Pleiku.
- THADS TP. Pleiku
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có qlnvql.
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Hồng